Ký bởi: Trung tâm Thông tin
Email: ttth@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng
Thời gian ký: 28.03.2022 14:21:57

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 75 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Viện Quy hoạch Kiến trúc xây dựng Nghệ An và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 17/03/2022;

Theo đề nghị của Vụ Khoa học công nghệ và môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Viện Quy hoạch Kiến trúc xây dựng Nghệ An

Địa chỉ: Km1+500, đường Lê Nin, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Mã số doanh nghiệp: 2900613852

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Địa chất công trình và vật liệu xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Km1+500, đường Lê Nin, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 895**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:
- Viện Quy hoạch Kiến trúc xây dựng Nghệ An;
- SXD tỉnh Nghệ An;
- TT Thông tin *(website)*;
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 895

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 75 /GCN-BXD ngày 28 tháng 3 năm 2022)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG**	
	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
	Xác định độ bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
2	**THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:1993
	Xác định độ cứng Vebe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:1993
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993; ASTM C567
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993; AASHTO T121
	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:1993
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993; AASHTO T22
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993; AASHTO T97
3	**THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**	
	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006; AASHTO T2
	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; AASHTO T27, T37
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; AASHTO T19, T191, T205, T233, T238
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006; AASHTO T19
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; AASHTO T142
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-8:2006; AASHTO T112, T11, T176
	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; AASHTO T21
	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
	Xác định độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
	Xác định độ hao mòn của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles.	TCVN 7572-12:2006; AASHTO T96
	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006;AASHTO T112
	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
	Xác định chỉ số tương đương cát (ES)	ASTM D2419; AASHTO T176
4	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG**	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012; AASHTO T100
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 AASHTO T265; ASTM D2216
	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 AASHTO T89, 90; ASTM D4318
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 AASHTO T27; ASTM C136
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012 AASHTO T216, T297
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201: 2012; 22TCN 333-06 AASHTO T99; ASTM D1556
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
	Thí nghiệm CBR của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332-06; AASHTO T180
5	**THỬ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG**	
	Thử kéo	TCVN 1651:2018; TCVN 197-1:2014
	Thử uốn	TCVN 1651:2018; TCVN 198:2008
	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401: 2010
	Thử phá huỷ mối hàn kim loại- thử kéo ngang	TCVN 8310: 2010
	Thử phá huỷ mối hàn kim loại- thử kéo dọc	TCVN 8311: 2010
6	**THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG**	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 2003
	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa tươi	TCVN 3121-6: 2003
	Xác định khả năng giữ độ lưu động của hỗn hợp vữa	TCVN 3121-8: 2003
	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10: 2003
	Xác định độ bền uốn và độ bền nén của vữa đóng rắn	TCVN 3121-11: 2003
	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18: 2003
7	**THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**	
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương dao đai	22TCN 02-71
	Độ ẩm, khối lượng thể tích (dung trọng) của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346-06; AASHTO T191
	Xác định mô đun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; AASHTO T278
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.